

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 05/8/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bạ**
Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh**
- Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 478/2020/TLST-DS ngày 20/11/2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng dịch vụ**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 07/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-DS ngày 06/7/2022 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: **Tổng công ty dịch vụ T**

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, số 57 đường K, phường H, thành phố N

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Lê R** – nhân viên Phòng nhân sự. Là đại diện theo ủy quyền. (theo giấy ủy quyền số 123/QĐ-TTKD KH-NSTH ngày 20/5/2022).

Có mặt

- Bị đơn: **Công ty cổ phần viễn thông di động C**

Địa chỉ: 280B đường Q, quận H, thành phố N

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty cổ phần viễn thông di động C đã ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Kênh thuê riêng với Trung tâm kinh doanh VNPT – H. Gồm các hợp đồng sau: Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 111107-011 ngày 03/10/2011, Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 1812/2012 ngày 17/12/2012, Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 120531-001 ngày 31/5/2012 cùng các phụ lục hợp đồng khác.

Trong quá trình sử dụng bị đơn còn nợ số tiền cước dịch vụ là 264.365.640 đồng. Nguyên đơn đã yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần viễn thông di động C thanh toán số nợ còn lại là 264.365.640 đồng và tiền lãi kể từ ngày 31/10/2019 cho đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 4,9%.

* Bị đơn Công ty cổ phần viễn thông di động C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã nêu: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc Tổng công ty dịch vụ T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần viễn thông di động C thanh toán số tiền nợ cước viễn thông theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa hai bên. Đây là tranh chấp về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty cổ phần viễn thông di động C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Tổng công ty dịch vụ T về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần viễn thông di động C thanh toán số nợ còn lại là 264.365.640 đồng và tiền lãi kể từ ngày 31/10/2019 cho đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 4,9%.

Xét:

Công ty cổ phần viễn thông di động C đã ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Kênh thuê riêng với Trung tâm kinh doanh VNPT – H. Gồm các hợp đồng sau: Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 111107-011 ngày 03/10/2011, Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 1812/2012 ngày 17/12/2012, Hợp đồng cung cấp & sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng số 120531-001 ngày 31/5/2012 cùng các phụ lục hợp đồng khác.

Giữa hai bên đã ký các biên bản xác nhận thông kênh và bàn giao. Ngày 31/10/2019 Công ty cổ phần viễn thông di động Toàn Cầu cùng Trung tâm kinh doanh VNPT- H đã ký biên bản xác nhận công nợ thể hiện tính đến ngày 31/10/2019 Công ty cổ phần viễn thông di động C còn nợ Trung tâm kinh doanh VNPT- H số tiền 264.365.640 đồng. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 264.365.640 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 05/8/2022 với lãi suất 4,9%/năm là: $264.365.640 \text{ đồng} \times 1.067 \text{ ngày} \times 4,9\%/365 = 37.868.000 \text{ đồng}$ (tính tròn)

Về án phí: Công ty cổ phần viễn thông di động C phải chịu án phí DS-ST là 15.111.682 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 513, Điều 518, Điều 519 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty cổ phần viễn thông di động C thanh toán cho Tổng công ty dịch vụ T số tiền 302.233.640 đồng (trong đó số tiền gốc là 264.365.640 đồng và tiền lãi là 37.868.000 đồng)

2/ Về án phí:

Công ty cổ phần viễn thông di động C phải nộp án phí DS-ST là 15.111.682 đồng.

Hoàn lại cho Tổng công ty dịch vụ T 7.150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0017963 ngày 19/11/2020 của chi cục thi hành án Dân sự thành phố T.

Kể từ ngày Tổng công ty dịch vụ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần viễn thông di động C không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- Đường sự;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung